

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU**

-----***-----

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU**

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2022



MỤC LỤC

| Chương, Điều | Nội dung | Trang |
|-------------------|--|-------|
| | QUY ĐỊNH CHUNG | 2 |
| Điều 1. | Căn cứ pháp lý | 2 |
| Điều 2. | Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng | 2 |
| Điều 3. | Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát | 2 |
| CHƯƠNG II | THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT | 3 |
| Điều 4. | Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát | 3 |
| Điều 5. | Cơ cấu tổ chức | 3 |
| Điều 6. | Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát | 4 |
| Điều 7. | Cách thức Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát | 4 |
| CHƯƠNG III | BAN KIỂM SOÁT | 5 |
| Điều 8. | Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát | 5 |
| Điều 9. | Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông | 6 |
| CHƯƠNG VI | CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT | 7 |
| Điều 10. | Cuộc họp Ban kiểm soát | 7 |
| Điều 11. | Biên bản họp của Ban kiểm soát | 8 |
| CHƯƠNG V | BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH | 9 |
| Điều 12. | Trình báo cáo hàng năm | 9 |
| Điều 13. | Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát | 9 |
| Điều 14. | Công khai các lợi ích liên quan | 9 |
| Điều 15. | Bảo mật thông tin | 10 |
| CHƯƠNG VI | MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT | 10 |
| Điều 16. | Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát | 10 |
| Điều 17. | Mối quan hệ với ban điều hành | 11 |
| Điều 18. | Mối quan hệ với Hội đồng quản trị | 11 |
| CHƯƠNG VI | ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | 11 |
| Điều 19. | Sửa đổi, bổ sung Quy chế | 11 |
| Điều 20. | Hiệu lực thi hành | 11 |

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA ĐÔNG TRIỀU

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (“Luật doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2022 (“Điều lệ”).
6. Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2022 (“Quy chế quản trị nội bộ”).
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Đông Triều số 13/2022/NQ-ĐHĐCĐ.DTC Ngày 31/3/2022
8. Các tài liệu liên quan khác.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều (Sau đây gọi là Quy chế) quy định về tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện quyền hạn và nghĩa vụ, cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát, các thành viên ban kiểm soát nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều (“Công ty”); các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều và quy định của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân khác tại Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và các định tại Quy chế này.
2. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm

trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

4. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban kiểm soát phải được xem xét đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Ban kiểm soát có từ 03 - 05 thành viên, số lượng thành viên từng nhiệm kỳ theo quyết định của ĐHĐCĐ, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Điều 37 của Điều lệ Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ Công ty.

Điều 7. Cách thức Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 36, Điều 37 của Điều lệ Công ty.

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và được thực hiện theo khoản 1, 2 Điều 21, Điều 37 Điều lệ Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ Công ty.

4. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn
 - c) Trình độ chuyên môn;
 - d) Quá trình công tác;
 - e) Các chức danh quản lý khác;
 - f) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - g) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
 - h) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên ban kiểm soát của Công ty;
 - i) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - k) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có). Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Có thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hay cuộc họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 140 và điểm a khoản 3 Điều 157 của Luật Doanh nghiệp;
26. Được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật Doanh nghiệp và Điều 38 Điều lệ;
27. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Trường Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng ban kiểm soát ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát thay mặt triệu tập họp và chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát gồm:

- Cuộc họp định kỳ: tối thiểu 02 (hai) lần một năm.

- Cuộc họp bất thường: được tiến hành trong vòng 07 ngày làm việc sau khi nhận được đề nghị của:

* Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch HĐQT;

* Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;

* Trưởng ban kiểm soát;

* Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát;

* Giám đốc Công ty;

* Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.

3. Thời gian triệu tập họp Ban kiểm soát: Mọi cuộc họp Ban kiểm soát được thông báo mời họp ít nhất 03 ngày trước ngày khai mạc (trừ trường hợp bất thường). Thông báo triệu tập họp có thể bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại. Thông báo mời họp phải nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm, và kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề cần bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền gửi biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Địa điểm họp Ban kiểm soát: Địa điểm họp do người triệu tập họp quyết định trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Ban kiểm soát phải là cuộc họp trực tiếp vì tài liệu và nội dung có thể có những thông tin bí mật của Công ty (trừ trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản). Trường hợp tài liệu liên quan đến cuộc họp chứa các thông

tin bí mật, các thành viên được mời họp có trách nhiệm bảo mật các thông tin cũng như tài liệu liên quan.

5. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

6. Cuộc họp Ban kiểm soát được coi là đủ điều kiện tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát hoặc người được thành viên Ban kiểm soát uỷ quyền tham dự.

7. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

- Mỗi thành viên Ban kiểm soát có 01 phiếu biểu quyết. Kết luận của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

- Chỉ có thành viên Ban kiểm soát hoặc người được thành viên Ban kiểm soát uỷ quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết.

- Người được mời họp Ban kiểm soát phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng hoặc những người được Ban kiểm soát thấy cần thiết mời tham dự. Khi biểu quyết những nội dung kết quả giám định kỹ thuật hay nội dung chuyên sâu có thể mời các cơ quan đã tham gia giám định, các chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp dự họp.

- Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập, nếu được nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:

- * Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp Giấy CNĐKKD;
- * Mục đích lấy ý kiến;
- * Họ, tên, địa chỉ liên lạc của thành viên Ban kiểm soát;
- * Vấn đề cần lấy ý kiến;
- * Phương án biểu quyết bao gồm: đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến;
- * Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- * Họ tên, chữ ký của Trưởng ban kiểm soát.

Điều 11. Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải lập chi tiết rõ ràng bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát dự họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng ban kiểm soát phân công, có nhiệm vụ ghi chép nội dung cuộc họp dưới hình thức biên bản họp, lấy chữ ký của các thành viên dự họp hoặc tiếp nhận ý kiến bằng văn bản/email.



2. Biên bản các cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại Ban kiểm soát và chỉ cung cấp cho Hội đồng quản trị/ Giám đốc/Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 12. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành;
2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty; Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
3. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị;
4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cổ đông.
5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát.
6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 13. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Các chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập của thành viên Ban kiểm soát được Công ty thanh toán theo quy định.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 14. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 15. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của Công ty và Pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu của Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

3. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban kiểm soát hết nhiệm kỳ.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân. Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực

hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 17. Mọi quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 18. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung được phản ánh trực tiếp cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát xem xét và thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt điều chỉnh.
2. Trong trường hợp các quy định của Điều lệ Công ty, Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp liên quan đến Ban kiểm soát thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ phải được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các nội dung thay đổi. Trong thời gian chờ sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này các quy định của Điều lệ Công ty, Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp liên quan đến Ban kiểm soát đã thay đổi sẽ được tự động cập nhật, áp dụng thay thế.
3. Những vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nếu chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và các quy định nội bộ khác.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương và 20 Điều, có hiệu lực kể từ ngày 31/3/2022.
2. Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm triển khai thực hiện các quy định tại Quy chế này. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác trong Công ty có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Phùng Dương